

5. XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC, SINH VẬT, SINH HOÁ BW (ЛАБОРАТОРНЫЕ ОБСЛЕДОВАНИЯ – ГЕМОТОЛОГИЧЕСКИЕ, БИОЛОГИЧЕСКИЕ БИОХИМИЧЕСКИЕ БСЖ; EXAMEN DU SANG, BIOCHIMIQUE BW, VDRL)
.....
.....
X quang (X–графия; Radiographic).....

KẾT LUẬN (ЗАКЛЮЧЕНИЕ; CONCLUSION)

a. TÌNH HÌNH SỨC KHOẺ (ПРАКТИЧЕСКИ ЗДОРОВ(А); ÉTAT DE SANTÉ)
.....
.....
b. ĐỦ HAY KHÔNG ĐỦ SỨC KHOẺ ĐỂ ĐI HỌC (ПРАКТИЧЕСКИ ЗДОРОВ(А) И ПО СОСТОЯНИЮ МОЖЕТ БЫТЬ ИЛИ НЕ МОЖЕТ БЫТЬ НАПРАВЛЕН(А) НА УЧЕБУ; LINTÉRESSÉ(E) EST APTE/INAPTE AUX ÉTUDES).....
.....
.....

Ngày (Дата; Date)..... tháng..... năm 20...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KÝ
ПРЕДСЕДАТЕЛЬ КОМИССИИ ПОДПИСЬ
VUE ET APPROUVÉ PAR LE CHEF
DU CONSEIL SANITAIRE SIGNATURE

TRƯỞNG ĐOÀN KHÁM KÝ
ГЛАВНЫЙ ВРАЧ ПОДПИСЬ
LE MÉDICIN CONSULTANT
SIGNATURE

LIÊN BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - Y TẾ

HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH Y KHOA
МЕДИЦИНСКАЯ КОМИССИЯ
CONSEIL MÉDICAL



GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHOẺ
МЕДИЦИНСКАЯ СПРАВКА
CERTIFICAT MÉDICAL

Họ và tên Ngày, tháng, năm sinh.....
Nghề nghiệp Nam, nữ.....
Cơ quan.....
Chỗ ở.....

I. TÌNH TRẠNG THỂ LỰC (ФИЗИЧЕСКОЕ СОСТОЯНИЕ; ÉTAT GÉNÉRAL)

Chiều cao (Рост; Hauteur).....(cm; cm)
Cân nặng (Вес; Poids).....(kg; kg)
Vòng ngực (Окружность груди; Périmetre thoracique).....(cm; cm)
Thở ra (Выдох; En expiration).....(cm; cm)
Hít vào (Вдох; En inspiration).....(cm; cm)
Trung bình(Средная; Pignet moyen).....(cm; cm)

Bác sỹ khám (Врач; Examineur).....

II. BỆNH TẬT (ЗАБОЛЕВАНИЯ; MALADIES)

1. NỘI KHOA (ТЕРАПЕВТ; MALADIES INTERNES)

- Tuần hoàn mạch (Пульс; Appareil cardiovasculaire)
..... lần /phút (Удар/мин; Pouls/min)
- Huyết áp (Артериальное давление; Tension artérielle)
Tối đa (Мак; Systolique)..... (mm/рт . столъ; mm/Hg)
Tối thiểu (Мин ; Diastolique) (mm/рт . столъ; mm/Hg)
-Tim (Сердце; Coeur)

- Phổi (Легкие; Poumon)

Bác sỹ khám (Врач; Examineur).....

- Dạ dày (Желудок; L'estomac)

Bác sỹ khám (Врач; Examineur).....

2. TÂM THẦN, THẦN KINH (ПСИХИАТР, НЕВРОПАТОЛОГ; NEURO-PSYCHIATRES)

Bác sỹ khám (Врач; Examineur).....

3. NGOẠI KHOA (ХИРУРГ; MALADIES CHIRURGICALES).....

- Đã mổ (Операция; Intervention chirurgicale).....

- Thời gian (Дата; Date).....

- Hệ vận động, cột sống (Опорно-двигательная система, спинной хребет; Colonne vertebrale, appareil-locomoteur).....

- Chi trên (Верхние конечности; Membres supérieures).....

- Chi dưới (Нижние конечности; Membres inférieures).....

- Khớp (Суставы; Articulation).....

- Xương (Кости; Os).....

- Cơ (Мускулатура; Muscles).....

- Tim mạch (Сердечно-сосудистая система; Cardiovasculaire).....

- Hậu môn (Анус; Anus).....

- Tiết niệu, sinh dục (Выделительные и половые органы; Appareil uro-génital).....

- Khối u (Опухоли; Tumeurs).....

Bác sỹ khám (Врач; Examineur).....

4. CHUYÊN KHOA (СПЕЦИАЛЬНЫЕ ЗАБОЛЕВАНИЯ; EXAMEN DU MEDECIN SPÉCIALISTE)

- Mắt (Глаза; Acuité visuelle).....

Không kính (Без очков; Sans correction).....

Phải (Правый; Droite) O.D.....

Trái (Левый; Gauche) O.G.....

Có kính (С очками; Avec correction).....

Phải (Правый; Droite) O.D.....

Trái (Левый; Gauche) O.G.....

Bác sỹ khám (Врач; Examineur).....

- Tai Mũi Họng (Отоларинголог; ORL).....

- Thính lực, nói thường 5m (Служ при норм. речи 5м; Audiométrie à 5m-voix normale)

Tai phải (Правое ухо; Oreille droite).....

Tai trái (Левое ухо; Oreille gauche).....

Nói thầm 0,5m (При шопоте 0,5м; Audiométrie à 0,5m-voix basse).....

Tai phải (Правое ухо; Oreille droite).....

Tai trái (Левое ухо; Oreille gauche).....

- Bệnh về T.M.H (Заболевание уха, горла, носа; Maladies ORL).....

Bác sỹ khám (Врач; Examineur).....

- Răng hàm mặt (Стоматолог; Dent).....

Bác sỹ khám (Врач; Examineur).....

- Phụ khoa (Гинеколог; Maladies gynécologiques).....

Bác sỹ khám (Врач; Examineur).....

- Da liễu (Дерматолог; Maladies dermatovénérologiques).....

Bác sỹ khám (Врач; Examineur).....